

Số: 189/TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 11 tháng 9 năm 2017

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC ỦY THÁC CHO BAN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG HUYỆN ĐẮK TÔ TẠM ỨNG TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2017 CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1868/UBND-NNTN ngày 18/7/2017 về việc tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2017 cho các chủ rừng; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo ủy thác cho Ban chi dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) huyện Đắk Tô chi trả tạm ứng tiền DVMTR năm 2017 cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Văn Lem, huyện Đắk Tô, cụ thể như sau:

1. Số tiền chi trả DVMTR năm 2017 được tạm ứng: 121.889.859 đồng (chi tiết có biểu kèm theo).

2. Trách nhiệm của Ban chi trả DVMTR huyện Đắk Tô.

2.1. Khẩn trương lập thủ tục nhận ủy thác chi tạm ứng tiền chi trả DVMTR năm 2017 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 22/09/2017 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2.2. Thông báo, niêm yết công khai bằng các hình thức khác nhau để hộ gia đình, cá nhân biết và chi trả tạm ứng tiền DVMTR cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Văn Lem, huyện Đắk Tô đầy đủ, kịp thời.

2.3. Lập và lưu trữ hồ sơ tạm ứng tiền chi trả DVMTR năm 2017 cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng về công tác chi trả DVMTR đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Văn Lem, huyện Đắk Tô.

2.5. Báo cáo kết quả tạm ứng tiền DVMTR về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh kèm theo chứng từ tạm ứng (danh sách có ghi rõ số tiền thực nhận của từng hộ gia đình, cá nhân có xác nhận của chính quyền địa phương) và các thủ tục khác có liên quan (bản gốc) trước ngày 06/10/2017 để tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền.



Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Ban chi trả DVMTR huyện Đắk Tô biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban chi trả DVMTR huyện Đắk Tô;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Đắk Tô;
- Giám đốc, PGĐ Quỹ;
- Phòng TC-HC-KT thuộc Quỹ;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



**TỔNG HỢP ỦY THÁC CHI TRẢ TẠM ỨNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2017
CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĂN LEM HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Thông báo số 189/TB-QBVPTR ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

TT	Tên hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Thôn	Vị trí khu rừng			Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu (ha)	Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu quy đổi (ha)	Số tiền DVMTR được ủy thác chi trả năm 2017 (đồng)
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng cộng: 64 hộ gia đình, cá nhân						607,67	557,59	121.889.859
1	A Bloi	Măng Rương	g	1	291	13,07	12,42	2.882.448
2	A Dung	Măng Rương	c	1	291	11,03	10,48	2.432.548
3	A Đút	Măng Rương	a	2	291	10,94	10,39	2.412.700
4	A Hói	Măng Rương	f	1	291	12,07	11,47	2.661.909
5	A Phước	Măng Rương	h	1	291	11,40	10,83	2.514.148
6	A Tâm	Măng Rương	i	1	291	8,16	7,75	1.799.600
7	A Thu	Măng Rương	a	1	291	2,67	2,54	588.840
8	A Tinh	Măng Rương	b	1	291	5,53	5,25	1.219.582
9	A Var	Măng Rương	d	1	291	12,49	11,87	2.754.536
10	Y Hiền	Măng Rương	e	1	291	16,51	15,68	3.641.103
11	A Bing	Đăk Xanh	a	6	291	16,75	15,08	3.499.610
12	A GRôi	Đăk Xanh	c	5	291	13,28	12,62	2.928.762
13	A Hdun	Đăk Xanh	d	5	291	9,96	9,46	2.196.571
14	A Khết	Đăk Xanh	b	2	291	12,30	11,69	2.712.633
15	A Many	Đăk Xanh	d	2	291	8,93	8,48	1.969.416
16	A Pheo	Đăk Xanh	e	2	291	7,60	7,22	1.676.098
17	A Rik	Đăk Xanh	e	5	291	16,42	15,60	3.621.255
18	A Thông	Đăk Xanh	a	5	291	13,00	12,35	2.867.011
19	A Ver	Đăk Xanh	b	5	291	14,83	14,09	3.270.597
20	A Vit	Đăk Xanh	c	2	291	13,45	12,78	2.966.253
21	A Briak	Tê Rông	i	1	293	9,45	8,51	1.780.981
22	A Bun	Tê Rông	b	1	293	9,03	8,13	1.701.826



Handwritten signature or mark.

TT	Tên hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Thôn	Vị trí khu rừng			Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu (ha)	Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu quy đổi (ha)	Số tiền DVMTR được ủy thác chi trả năm 2017 (đồng)
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	A Hiền	Tê Rông	h	1	293	9,00	8,10	1.696.172
24	A Hoa	Tê Rông	a	2	293	9,94	8,95	1.873.328
25	A Hoan	Tê Rông	d	1	293	8,78	7,90	1.654.710
26	A Hùng	Tê Rông	e	1	293	8,78	7,90	1.654.710
27	A Khăm	Tê Rông	b	2	293	8,06	7,25	1.519.016
28	A Khoan	Tê Rông	d	3	293	9,74	8,77	1.835.635
29	A Kron	Tê Rông	g	3	293	9,94	8,95	1.873.328
30	A Loang	Tê Rông	a	8	291	8,34	7,51	1.742.492
31	A Ly	Tê Rông	a	3	293	9,50	8,55	1.790.404
32	A Mek	Tê Rông	c	3	293	9,17	8,25	1.728.211
33	A Mũ	Tê Rông	f	1	293	9,11	8,20	1.716.903
34	A Nhar	Tê Rông	g	1	293	9,99	8,99	1.882.751
35	A Nông	Tê Rông	b	3	293	8,92	8,03	1.681.095
36	A Them	Tê Rông	a	1	293	7,89	7,10	1.486.977
37	A Tương	Tê Rông	a	9	293	5,68	5,11	1.070.473
38	Y Bi	Tê Rông	c	1	293	9,46	8,51	1.782.865
39	Y Sinh	Tê Rông	e	3	293	6,97	6,27	1.313.591
40	Y Ti	Tê Rông	f	3	293	7,38	6,64	1.390.861
41	A Hiên	Tê Pen	f	6	293	8,76	7,88	1.650.941
42	A Diah	Tê Pen	h	9	293	9,57	8,61	1.803.596
43	A Diệp	Tê Pen	f	9	293	7,88	7,09	1.485.093
44	A Giêu	Tê Pen	g	9	293	9,86	8,87	1.858.251
45	A Hoan	Tê Pen	m	3	293	7,81	7,03	1.471.900
46	A Huyền	Tê Pen	h	6	293	8,76	7,88	1.650.941
47	A Jeap	Tê Pen	c	9	293	6,48	5,83	1.221.244
48	A Khen	Tê Pen	a	12	293	9,55	8,60	1.799.827

Handwritten signature

TT	Tên hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Thôn	Vị trí khu rừng			Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu (ha)	Diện tích rừng cung ứng DVMTR nghiêm thu quy đổi (ha)	Số tiền DVMTR được ủy thác chi trả năm 2017 (đồng)
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
49	A Ku	Tê Pen	h	3	293	9,52	8,57	1.794.173
50	A Liên	Tê Pen	c	6	293	4,42	3,98	833.009
51	A Linh	Tê Pen	d	6	293	8,13	7,32	1.532.209
52	A Long	Tê Pen	e	6	293	8,44	7,60	1.590.632
53	A Oan	Tê Pen	i	3	293	9,18	8,26	1.730.095
54	A Phan	Tê Pen	d	9	293	9,23	8,31	1.739.519
55	A Phiêm	Tê Pen	c	10	293	7,30	6,57	1.375.784
56	A Sĩ	Tê Pen	g	6	293	6,26	5,63	1.179.782
57	A Thiếu	Tê Pen	b	6	293	9,06	8,15	1.707.480
58	A Thóc	Tê Pen	b	10	293	8,85	7,97	1.667.903
59	A Trường	Tê Pen	a	10	293	8,92	8,03	1.681.095
60	A Xe	Tê Pen	b	9	293	9,91	8,92	1.867.674
61	Nguyễn Xuân Mậu	Tê Pen	e	9	293	9,38	8,44	1.767.788
62	Nguyễn Xuân Xênh	Tê Pen	b	12	293	7,44	6,70	1.402.169
63	Y Tháng	Tê Pen	i	9	293	9,08	8,17	1.711.249
64	Y Trúc	Tê Pen	a	6	293	8,36	7,52	1.575.555

Ghi chú: Diện tích rừng cung ứng DVMTR của các hộ gia đình cá nhân để xác định tạm ứng tiền DVMTR năm 2017 là kết quả nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2016 của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đắk Tô do Ban chi trả DVMTR huyện Đắk Tô xác nhận ngày

